HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09/2017/NQ-HĐND	*Ninh Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển thương mại tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020;

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về đẩy mạnh phát triển thương mại giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển thương mại tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu

a) Phát triển thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, góp phần nâng quy mô, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo thuận lợi khi tham gia hợp tác phát triển kinh tế vùng, trong nước và nước ngoài.

b) Đa dạng hoá gắn với nâng chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; tạo điều kiện cho các sản phẩm tiếp cận và phát triển ở các phân khúc thị trường phù hợp, nhất là các sản phẩm đặc thù của tỉnh.

c) Phát triển và đa dạng các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ, chất xám và giá trị gia tăng cao; đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu; phát triển các thị trường xuất khẩu mới. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong quản lý nhà nước và trong hoạt động của doanh nghiệp.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

a) Giai đoạn 2016-2020: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn toàn tỉnh tăng bình quân 18 - 20%/năm, riêng ở địa bàn miền núi và vùng dân tộc tăng khoảng 10 - 12%/năm; cơ cấu ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 39 - 40% GRDP; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 150 triệu USD, tăng bình quân 14-15%/năm.

b) Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 01 trung tâm thương mại, 01 trung tâm thương mại-khách sạn cao cấp và 05 siêu thị. Đến năm 2025, đầu tư nâng tổng số trung tâm thương mại lên 02, siêu thị lên 07 và 119 chợ (02 chợ hạng 1, 14 chợ hạng 2 và 103 chợ hạng 3).

c) Đến năm 2020, hình thành 01 trung tâm hội chợ triển lãm tại khu vực thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và một số trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các khu vực có tiềm năng.

Điều 2. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Công tác quy hoạch, kế hoạch

a) Thực hiện tốt công tác xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại và các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động thương mại. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung đảm bảo sát đúng, phù hợp với tình hình thực tiễn.

b) Trong công tác quy hoạch phải gắn kết giữa phát triển thương mại với các quy hoạch lĩnh vực khác; gắn với việc hình thành, phát triển các tuyến giao thông, khu đô thị mới; gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, các quy hoạch liên quan đến sản phẩm đặc thù của tỉnh, góp phần thực hiện phát triển kinh tế - xã hội miền núi, kinh tế biển, cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng phó biến đổi khí hậu.

2. Đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, hệ thống phân phối, đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp

a) Tiếp tục duy trì mạng lưới phân phối truyền thống, phát triển mạng lưới chợ gắn với xây dựng nông thôn mới, quan tâm thu hút các loại hình thương mại hiện đại. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương; xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định… phù hợp để hỗ trợ phát triển thương mại như: hỗ trợ về đất đai, thuế, điều kiện hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ vốn, tín dụng.

b) Khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp thương mại tăng quy mô, nâng sức cạnh tranh, hình thành một số doanh nghiệp thương mại lớn tham gia vào hệ thống bán buôn, bán lẻ hiện đại có khả năng điều tiết và bình ổn thị trường trong tỉnh.

3. Hoạt động xuất, nhập khẩu

a) Phát triển mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu gắn với hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm qua chế biến và chế tạo tại tỉnh.

b) Tập trung mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế của tỉnh gắn với nguồn nguyên liệu chủ động tại địa phương như: xuất khẩu thủy sản, may mặc, muối, vật liệu xây dựng, khoáng sản. Đẩy mạnh nhập khẩu hàng hóa vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và hàng tiêu dùng, nhập khẩu máy móc thiết bị cho các dự án đầu tư như: năng lượng (điện gió, điện mặt trời) và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

c) Làm tốt các thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan tỉnh, tạo điều kiện để 100% hàng hóa xuất nhập khẩu đều được thông quan tại tỉnh.

4. Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu

a) Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, nhất là đối với các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường trong và ngoài nước; tăng cường đầu tư nâng quy mô sản xuất để tăng số lượng, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

b) Xây dựng và phát triển các Hiệp hội ngành hàng đối với các sản phẩm thế mạnh, đặc thù của tỉnh, tạo mối liên hệ gắn kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp. Xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh, tạo thuận lợi để doanh nghiệp thương mại đầu tư phát triển.

5. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

a) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên môn tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, hiểu biết luật pháp và thông lệ quốc tế để làm tốt công tác quản lý nhà nước về thương mại trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về hội nhập quốc tế, đối ngoại, các hiệp định thương mại, thông tin thị trường, kỹ năng quản trị, quản lý trong thời kỳ hội nhập cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp. Xây dựng, phát triển đội ngũ thương nhân, doanh nhân trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

6. Phát triển thương mại điện tử

Đẩy mạnh đầu tư phát triển thương mại điện tử phù hợp với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại điện tử quốc gia. Nghiên cứu thành lập bộ

phận chuyên trách về thương mại điện tử của tỉnh; thường xuyên thu thập, chọn lọc, hình thành kho dữ liệu thông tin và tổ chức cung cấp thông tin cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường và đối tác đầu tư, phát triển thị trường trong nước và nước ngoài.

7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thương mại

a) Thực hiện tốt công tác thông tin, dự báo, phân tích tình hình thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường; tuyên truyền giáo dục, vận động các doanh nghiệp, cơ sở, các tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Thực hiện tốt cải cách hành chính. Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

8. Ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thương mại

a) Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp bố trí nguồn lực đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế dần các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ trong những ngành có lợi thế của tỉnh nhằm làm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chú trọng ứng dụng khoa học - công nghệ vào các ngành dịch vụ hỗ trợ phát triển thương mại, nhất là công nghệ viễn thông.

b) Nghiên cứu, đưa công nghệ, mô hình mới, tiên tiến vào trong sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, đổi mới trang thiết bị công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường. Kiên quyết không thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ảnh hưởng đến môi trường.

c) Tăng cường phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ như: nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp; phát triển thị trường công nghệ; hoạt động năng suất, chất lượng.

Điều 3. Các giải pháp chủ yếu

1. Công tác tuyên truyền: Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho chính quyền các cấp về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về phát triển thương mại trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức đối với nhiệm vụ phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh.

2. Nguồn lực đầu tư: Tập trung huy động tốt nhất mọi nguồn lực để đầu tư phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh; chú trọng đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại. Bố trí ngân sách lồng ghép với các chương trình, dự án trong và ngoài nước để xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải tỏa, tái định cư khi Nhà nước có thu hồi đất và hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho Nhân dân vùng có dự án đầu tư phát triển thương mại.

3. Phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Nâng cao năng

lực, chất lượng đào tạo nghề đối với các cơ sở dạy nghề; đổi mới phương thức đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài, chính sách hỗ trợ đào tạo lao động. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp tự đào tạo hoặc liên kết đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho các dự án phát triển thương mại.

4. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thương mại:

a) Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách theo quy định của Trung ương; đồng thời, khẩn trương rà soát, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách cần thiết hỗ trợ phát triển thương mại như: hỗ trợ về đất đai, tích tụ ruộng đất, hỗ trợ điều kiện hạ tầng, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, tham gia phát triển xuất khẩu, phát triển chuỗi liên kết hàng hoá, nhất là đối với các sản phẩm đặc thù của tỉnh.

b) Nghiên cứu, triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc thù của tỉnh; hỗ trợ phát triển thương mại miền núi, bao gồm: phát triển hạ tầng, thương nhân, sản phẩm, hàng hóa là lợi thế phát triển của khu vực miền núi, góp phần phát triển thương mại và kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thường xuyên quan tâm theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp thương mại trong quá trình hoạt động. Tăng cường rà soát, xử lý các dự án đầu tư phát triển thương mại vi phạm tiến độ theo quy định.

5. Công tác phối hợp, liên kết, hợp tác: Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong thực hiện các quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội địa phương và phát triển ngành thương mại. Tăng cường liên kết, hợp tác vùng, hợp tác giữa các tỉnh và hợp tác với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là đối với các sản phẩm đặc thù, có thế mạnh của tỉnh.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện phát triển thương mại tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến 2025 dự kiến khoảng 675,4 tỷ đồng, trong đó:

1. Đầu tư hạ tầng thương mại: 661,4 tỷ đồng (chợ 211,4 tỷ đồng, siêu thị 250 tỷ đồng, trung tâm thương mại 200 tỷ đồng và cửa hàng bán lẻ xăng dầu 308,9 tỷ đồng).

2. Xúc tiến thương mại: 10,24 tỷ đồng.

3. Phát triển thương mại điện: 3,71 tỷ đồng.

(đính kèm theo phụ lục)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp HĐND cuối năm.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 23/7/2017./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, Ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 09/2017/NQ-HĐND ngày 17 / 7 / 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Thời gian và kinh phí thực hiện											
			Năm 2017			*Năm 2018*			*Năm 2019*			*Năm 2020*		
			NSĐP	*NSTW*	*DN*	*NSĐP*	*NSTW*	*DN*	*NSĐP*	*NSTW*	*DN*	*NSĐP*	*NSTW*	*DN*
I	**HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI**	**661.454**	**3.700**	**0**	**26.000**	**8.432**	**2.954**	**114.000**	**4.917**	**2.812**	**130.000**	**0**	**4.959**	**274.200**
1	Chợ	211.454	*3.700*	*0*	*26.000*	*8.432*	*2.954*	*64.000*	*4.917*	*2.812*	*30.000*	*0*	*4.959*	*24.200*
2	Siêu thị	250.000	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*50.000*	*0*	*0*	*100.000*	*0*	*0*	*100.000*
3	Trung tâm thương mại	200.000	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*150.000*
4	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	308.592	*0*	*0*	*12.200*	*0*	*0*	*38.934*	*0*	*0*	*54.507*	*0*	*0*	*202.951*
II	**XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**	**10.244**	**370,2**	**510,0**	**488,6**	**406,1**	**2.203,0**	**1.692,0**	**526,1**	**865,0**	**888,0**	**542,1**	**865,0**	**888,**
1	Thông tin, tuyên truyền	134,7	29,7	0,0	0,0	35,0	0,0	0,0	35,0	0,0	0,0	35,0	0,0	0,
2	Khảo sát, nghiên cứu thị trường, kết nối cung cầu	455,5	107,2	0,0	0,0	116,10	0,0	0,0	116,1	0,0	0,0	116,1	0,0	0,
3	Hội chợ, triển lãm	5.191,0	90,0	0,0	294,0	150,0	1.338,0	1.557,0	165,0	0,0	708,0	181,0	0,0	708,
4	Đào tạo, tập huấn, hội thảo	485,7	35,7	45,0	0,0	35,0	100,0	0,0	35,0	100,0	0,0	35,0	100,0	0,
5	Tổ chức phiên chợ hàng Việt	3.600,0	0,0	465,0	135,0	0,0	765,0	135,0	105,0	765,0	180,0	105,0	765,0	180,
6	Các nội dung khác (hội nghị hợp tác ngành công thương 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng; Gian hàng triển lãm nhân các sự kiện lớn của tỉnh; điểm bán sản phẩm an toàn phục vụ tết Nguyên đán;…)	377,2	107,6	0,0	59,6	70,0	0,0	0,0	70,0	0,0	0,0	70,0	0,0	0,
III	**THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	**3.710,0**	**350,0**	**380,0**	**50,0**	**400,0**	**450,0**	**150,0**	**360,0**	**550,0**	**190,0**	**400,0**	**330,0**	**100,**
1	Triển khai pháp luật về thương mại điện tử	420,0	60,0	110,0	0,0	30,0	0,0	0,0	40,0	110,0	0,0	0,0	70,0	0,

2	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện	240,0	0,0	40,0	0,0	40,0	40,0	0,0	0,0	40,0	0,0	40,0	40,0	0,0
3	Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMĐT	550,0	0,0	50,0	0,0	0,0	100,0	0,0	100,0	150,0	0,0	50,0	100,0	0,0
4	Củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước	1.250,0	290,0	30,0	0,0	130,0	210,0	0,0	170,0	100,0	40,0	210,0	70,0	0,0
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng	1.250,0	0,0	150,0	50,0	200,0	100,0	150,0	50,0	150,0	150,0	100,0	50,0	100,0
TỔNG CỘNG:		**675.408**	**4.420**	**890**	**26.539**	**9.238**	**5.607**	**115.842**	**5.803**	**4.227**	**131.078**	**942**	**6.154**	**275.188**